

Sản phẩm	Dầu bánh răng công nghiệp Sinopec L-CKD
Tóm tắt	Mô tả sản phẩm Dầu bánh răng công nghiệp Sinopec L-CKD là loại dầu cho thiết bị hiệu suất cao với công thức dầu khoáng chất lượng cao và phụ gia đa chức năng. Dầu được thiết kế để sử dụng trong các ổ đĩa bánh răng công nghiệp nơi áp suất và tải trọng cực cao.

Ứng dụng

Dầu bánh răng công nghiệp Sinopec L-CKD phù hợp dùng tại:

-Dầu truyền động bánh răng công nghiệp được dùng trang bị hệ thống lưu thông, bôi trơn, hoạt động dưới điều kiện bình thường hay điều kiện nạp sốc.

-Hợp số trong các ứng dụng công nghiệp, ví dụ, trong băng tải, máy ép, máy đùn và máy nghiền trong các lĩnh vực xây dựng, khai thác mỏ, thép và hóa chất.

Các tính năng và lợi ích

-Chịu áp lực cực cao, chống mài mòn bảo vệ răng của bánh răng và các bề mặt chịu lực, chống co giật, mài mòn, nứt vỡ, ngay cả trong tải cao và điều kiện khắc nghiệt, kéo dài tuổi thọ linh kiện và giảm tiếng ồn vận hành.

-Ổn định nhiệt tuyệt vời và giảm oxy hóa, tích tụ cặn bẩn gây ra giảm tuổi thọ linh kiện, đảm bảo bôi trơn ổn định và kéo dài tuổi thọ, ngay cả khi nhiệt độ dầu cao, làm giảm chi phí bảo trì kết hợp với việc thay dầu.

-Bảo vệ khỏi sự ăn mòn và gỉ sét, kéo dài tuổi thọ của các hợp kim đồng và thép.

☐ Tính chống tạo bọt tốt đảm bảo độ dày màng dầu tối ưu, bảo vệ các thành phần chống mài mòn, và giảm thiểu sự rò rỉ dầu.

-Tính năng tách nước tuyệt vời ngăn ngừa sự hình thành nhũ tương và cho phép nước dư thừa được dễ dàng thoát nước từ hệ thống, đảm bảo phòng chống ăn mòn hiệu quả, bôi trơn tối ưu và bảo vệ các thành phần chống lại ăn mòn bề mặt.

-Có sẵn một loạt các cấp độ nhớt để đáp ứng các nhu cầu cụ thể của từng cách ứng dụng.

-Hoàn toàn tương thích với các vật liệu làm kín thông thường, kéo dài thời gian được làm kín và ngăn ngừa rò rỉ.

Thông số điển hình

Dầu bánh răng công nghiệp Sinopec L-CKD							
Cấp độ nhớt ISO	100	150	220	320	460	680	1000
Độ nhớt động học, ASTM D 445							
cSt @ 40°C	99.16	149.9	217.0	313.0	432.0	688.7	1002.0
cSt @ 100°C	11.08	14.5	18.3	23.1	29.6	42.0	57.0
Chỉ số độ nhớt, ASTM D 2270	96	95	93	92	97	102	110
Kiểm tra mài mòn FZG, A/8.3/90, DIN 51354	12+	12+	12+	12+	12+	12+	12+
Timken OK load, lb, ASTM D 2782	60	60	60	60	60	60	60
Four ball EP, ASTM D 2783							
Tải hàn, kg	250	250	315	315	315	315	315
Chỉ số tải hàn	465	465	549	565	588	587	605
Phòng chống rỉ sét, nước biển tổng hợp, ASTM D 665B	pass	pass	pass	pass	pass	pass	pass
Ăn mòn đồng, 3h @ 100°C, ASTM D 130	1b	1b	1b	1b	1b	1b	1b
Tạo bọt đặc, ASTM D 892							
chuỗi I	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0
chuỗi II	10/0	10/0	10/0	10/0	10/0	20/0	20/0
chuỗi III	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0	0/0
Demulsibility @ 82 ° C, ASTM D2711							
nước trong dầu,%	1.0	0.8	0.5	0.5	0.9	0.8	1.0
nhũ tương, ml	0.5	0.3	0.2	0.5	0.2	0.60	0.8
nước được tách ra, ml	84.0	83.0	86.3	84.6	83.2	81.9	81.5
Độ tách nước, thời gian từ 40/37/3, @ 82°C, mins, ASTM D 1401	10	15	15	20	25	30	35
Điểm nhỏ giọt, °C, ASTM D 97	-17	-14	-12	-9	-9	-9	-9
Điểm chớp cháy (COC), °C, ASTM D 92	246	249	242	250	238	270	246
Tỉ trọng @ 20°C, kg/cm 3 , ASTM D 4052	878.8	888.7	886.3	896.6	898.7	899.5	898.5

Những dữ liệu này được cho là một dấu hiệu cho thấy các giá trị tiêu biểu và không phải là thông số kỹ thuật chính xác.

Công nghiệp và kỹ thuật OEM

Dầu bánh răng công nghiệp Sinopec L-CKD đáp ứng các yêu cầu về hiệu suất của các thông số kỹ thuật ngành công nghiệp sau:	
AGMA	9005-E02 (EP)
DIN	51517 CLP (Phần 3)
AIST (thép US)	224
ISO	12925-1 CKD

Dầu bánh răng công nghiệp Sinopec L-CKD có sự chấp thuận chính thức của OEM sau:	
Cincinnati Lamb	P-77 (ISO VG 150), P-74 (ISO VG 220), P-59 (ISO VG 320), P-35 (ISO VG 460), P-34 (ISO VG 680)
David Brown	S1.53.101
Rossi Motoriduttori	Dầu mỡ nhờn được gợi ý
Dầu bánh răng công nghiệp Sinopec L-CKD có sự chấp thuận chính thức của OEM sau:	
SEW-Eurodrive	Được chấp thuận bởi SEW Trung Quốc (ISO VG 220)

Độ chính xác của thông tin

Dữ liệu được cung cấp trong PDS này là điển hình và có thể thay đổi như là kết quả của việc tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm. Các thông tin đưa ra là chính xác tại thời điểm in. Các giá trị tiêu biểu có thể biến thể trong các thủ tục kiểm tra và quá trình sản xuất. Sinopec đảm bảo rằng chất bôi trơn của họ đáp ứng được cho bất kỳ ngành công nghiệp nào và thông số kỹ thuật OEM được nêu trên bảng dữ liệu này.

Sinopec không thể chịu trách nhiệm cho bất kỳ sự giảm sút chất lượng trong sản phẩm do bảo quản hoặc xử lý không đúng. Thông tin về cách sử dụng và bảo quản có sẵn từ nhà phân phối địa phương của bạn.

Sản phẩm và bảo vệ môi trường

Sản phẩm này không gây ra bất kỳ vấn đề sức khỏe khi sử dụng theo sự gợi ý và hướng dẫn trong MSDS. Vui lòng tham khảo MSDS để được tư vấn chi tiết hơn. MSDS có sẵn từ các nhà phân phối địa phương của bạn. Không sử dụng sản phẩm khác với cách hướng dẫn.

Như với các sản phẩm khác, tránh làm ô nhiễm môi trường khi xử lý sản phẩm này. Dầu qua sử dụng phải được gửi đến nơi xử lý/tái chế dầu, nếu không phải được xử lý theo quy định của chính phủ/ chính quyền có liên quan.

Các nhãn hiệu SINOPEC được đăng ký và bảo hộ tại Úc.

Phát hành: 02/2014

© Sinopec 2014

84-Sinopec-J500-(SM/CF)-Engine-Oil